

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

*Báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRT**

40/25 Bùi Viện, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

---

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	04 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần TRT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần TRT là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0312933227 ngày 18 tháng 09 năm 2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 11 năm 2016 và thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 12 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **40.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 40/25 Bùi Viện, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại, dịch vụ

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

Trồng cây hồ tiêu, cây sao su, cây cà phê, cây chè, trồng cây lâu năm khác, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; in ấn, dịch vụ liên quan đến in; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự; dịch vụ phục vụ đồ uống; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; thoát nước, xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; độc hại; tái chế phế liệu; xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống điện; hoàn thiện công trình xây dựng; đại lý, môi giới, đấu giá; buôn bán nông lâm sản nguyên liệu; vận tải hành khách đường bộ; dịch vụ đóng gói, dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động thiết kế chuyên dụng; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà:	Nguyễn Công Triều Tiên	Chủ tịch
Ông:	Đoàn Đức Quý	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông:	Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
------	-------------------	---------------

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông:	Trần Xuân Huy	Trưởng ban
Ông:	Trần Văn Khánh	Thành viên
Ông:	Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Bà:	Nguyễn Công Triều Tiên
-----	------------------------

Kế toán trưởng:

Bà:	Trương Thị Nhuận
-----	------------------



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2017*

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**



Số: 357/BCKT/TC/2017/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
của Công Ty Cổ Phần TRT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần TRT được lập ngày 15 tháng 01 năm 2017, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2017

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính****Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Tổng Giám đốc**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH**Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên****Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>55.753.439.007</b>	<b>21.155.850.000</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.01</b>	<b>1.067.260.595</b>	<b>155.850.000</b>
111	1. Tiền		1.067.260.595	155.850.000
112	2. Các khoản tương đương tiền			
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>50.716.568.918</b>	<b>21.000.000.000</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	50.716.568.918	
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn			
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.03		21.000.000.000
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.04</b>	<b>3.920.613.994</b>	
141	1. Hàng tồn kho		3.920.613.994	
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>48.995.500</b>	
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		48.995.500	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>			
221	1. Tài sản cố định hữu hình			
222	- Nguyên giá			
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>			
261	1. Chi phí trả trước dài hạn			
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>55.753.439.007</b>	<b>21.155.850.000</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C . NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.888.598.731</b>	<b>47.391.000</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		<b>11.888.598.731</b>	<b>47.391.000</b>
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.05	8.383.535.269	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.493.677.143	
314	4. Phải trả người lao động	V.06	1.011.386.319	47.391.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác			
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>			
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.07</b>	<b>43.864.840.276</b>	<b>21.108.459.000</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		43.864.840.276	21.108.459.000
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000.000	21.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	21.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển			
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.864.840.276	108.459.000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		108.459.000	
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.756.381.276	108.459.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này			
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>55.753.439.007</b>	<b>21.155.850.000</b>

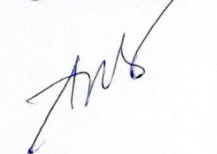
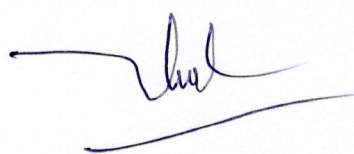
Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRƯƠNG THỊ NHUẬN



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	64.193.148.041	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.193.148.041	
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	58.734.660.498	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.458.487.543	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	109	311.550.000
22	7. Chi phí tài chính			
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			
24	8. Chi phí bán hàng	VI.04	489.000.000	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.04	274.011.057	172.500.000
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.695.476.595	139.050.000
31	11. Thu nhập khác			
32	12. Chi phí khác			
40	13. Lợi nhuận khác			
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.695.476.595	139.050.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.06	939.095.319	30.591.000
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.756.381.276	108.459.000
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.07	1.766,50	71,80

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRƯƠNG THỊ NHUẬN

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		18.400.000.109	
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(49.374.214.947)	
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(734.100.000)	(151.200.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả			
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		27.249.772.980	8.311.550.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.630.047.547)	(29.004.500.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(18.088.589.405)</b>	<b>(20.844.150.000)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>			
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		19.000.000.000	21.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>19.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>911.410.595</b>	<b>155.850.000</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>155.850.000</b>	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>1.067.260.595</b>	<b>155.850.000</b>

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRƯƠNG THỊ NHUẬN



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần TRT là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0312933227 ngày 18 tháng 09 năm 2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 11 năm 2016 và thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 12 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **40.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 40/25 Bùi Viện, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại, dịch vụ

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Trồng cây hồ tiêu, cây sao su, cây cà phê, cây chè, trồng cây lâu năm khác, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; in ấn, dịch vụ liên quan đến in; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự; dịch vụ phục vụ đồ uống; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; thoát nước, xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; độc hại; tái chế phế liệu; xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống điện; hoàn thiện công trình xây dựng; đại lý, môi giới, đấu giá; buôn bán nông lâm sản nguyên liệu; vận tải hành khách đường bộ; dịch vụ đóng gói, dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động thiết kế chuyên dụng; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Không có

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ**

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

**- Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chi được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...



# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

## **Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

### **Bên liên quan**

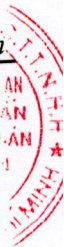
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

### **01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Tiền mặt</b>	<b>65.450.000</b>	<b>155.850.000</b>
- VND	65.450.000	155.850.000
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>1.001.810.595</b>	
- Tiền gửi (VND)	1.001.810.595	
+ Ngân hàng BIDV CN Bến Thành	1.001.810.595	
- Tiền gửi ngoại tệ		
<b>Tiền đang chuyển</b>		
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
<b>Cộng</b>	<b>1.067.260.595</b>	<b>155.850.000</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 02 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

**a) Ngắn hạn**

- + Công ty TNHH MTV Tín Thành Đạt
- + Công ty TNHH Cơ Khí Chế tạo máy Công Minh
- + CÔNG TY TNHH TM SX Thiết kế Vinh Cơ
- + Công ty TNHH An Phú Vinh

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>50.716.568.918</b>	
	39.895.710.700	
	1.372.493.510	
	3.696.325.033	
	5.752.039.675	

**b) Dài hạn**

Cộng

**50.716.568.918**

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Không có

### 03 . PHẢI THU KHÁC

**a) Ngắn hạn**

- Tạm ứng
- Phải thu khác
- Đàm Quang Tiến

**b) Dài hạn**

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
		<b>21.000.000.000</b>	
		21.000.000.000	
		21.000.000.000	
		<b>21.000.000.000</b>	

### 04 . HÀNG TỒN KHO

- Thành phẩm
- Hàng hóa

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gía gốc	Dự phòng	Gía gốc	Dự phòng
		3.920.613.994	
		<b>3.920.613.994</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**05 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.383.535.269</b>	<b>8.383.535.269</b>		
- Công ty TNHH TM và ĐT Sen Phương Đông	4.489.389.609	4.489.389.609		
- Đối tượng khác	3.894.145.660	3.894.145.660		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.383.535.269</b>	<b>8.383.535.269</b>		
<b>Cộng</b>				

**06 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****a) Phải nộp**

	Số cuối năm		Số đã thực nộp trong năm		Số đầu năm
	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	969.686.319	969.095.319			30.591.000
Thuế thu nhập cá nhân	41.700.000	24.900.000			16.800.000
Thuế GTGT		2.429.743.734	2.429.743.734		
Thuế khác		3.000.000	3.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>1.011.386.319</b>	<b>3.396.739.053</b>	<b>2.432.743.734</b>		<b>47.391.000</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**07. 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của CSH	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>21.000.000.000</b>					<b>21.000.000.000</b>
Tăng vốn trong năm trước					108.459.000	108.459.000
Lãi trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Giảm khác						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>21.000.000.000</b>				<b>108.459.000</b>	<b>21.108.459.000</b>
Tăng vốn trong năm nay	19.000.000.000				3.756.381.276	3.756.381.276
Lãi trong năm nay						
Chia cổ tức						
Lỗ trong năm nay						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.000.000.000</b>				<b>3.864.840.276</b>	<b>43.864.840.276</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

07 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		%		%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	40.000.000.000	100,00%	21.000.000.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 07 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	19.000.000.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	21.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

### 07 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	2.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	2.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	2.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	2.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 07 . 5. Các quỹ của công ty:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển		
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 01. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng

Cộng

Năm nay	Năm trước
64.193.148.041	
<b>64.193.148.041</b>	

### 02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán

Cộng

Năm nay	Năm trước
58.734.660.498	
<b>58.734.660.498</b>	

### 03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi

Cộng

Năm nay	Năm trước
109	311.550.000
<b>109</b>	<b>311.550.000</b>

### 04. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

#### 04.1. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân công

Cộng

Năm nay	Năm trước
489.000.000	
<b>489.000.000</b>	

#### 04.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân công

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Thuế, phí, lệ phí

Cộng

Năm nay	Năm trước
270.000.000	172.500.000
1.011.057	
3.000.000	
<b>274.011.057</b>	<b>172.500.000</b>

### 05. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Chi phí nhân công

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
759.000.000	172.500.000
1.011.057	
3.000.000	
<b>760.011.057</b>	<b>172.500.000</b>

### 06. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành

- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này

**Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Năm nay	Năm trước
939.095.319	30.591.000
<b>939.095.319</b>	<b>30.591.000</b>



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

## 07 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.756.381.276	108.459.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.126.449	1.510.608
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.766,50</b>	<b>71,80</b>

## THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

### VII . TỆ: Không có

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không phát sinh

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban Giám đốc	99.900.000	243.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác: Không có

04 . Thông tin bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

05 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

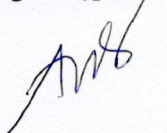
06 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV TV TC Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

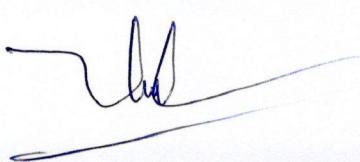
Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc

Người lập biểu



Kế toán trưởng



TRƯƠNG THỊ NHUẬN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG